TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 518/2025/HC-PT
Ngày 09 tháng 12 năm 2025
V/v "*Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Ông Nguyễn Đắc Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Viễn – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 62/2025/TLPT-HC ngày 02/10/2025 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc trường hợp thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 143/2025/HC-ST ngày 28/4/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2149/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Phạm Anh D; Địa chỉ: D, tổ B, ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã H, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Nguyễn Đức T; Địa chỉ: Số B đường P, Phường C, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của UBND huyện B và Chủ tịch UBND huyện B có: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Tấn L – Phó chủ tịch UBND xã H, Thành phố Hồ Chí Minh, có văn bản xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Minh T1 – Trưởng Phòng Kinh tế xã H, có văn bản xin xét xử vắng mặt và bà Trần Thị Phú T2 – Chuyên viên Phòng Kinh tế xã H, có mặt.

3. Người kháng cáo:

3.1. Ông Phạm Anh D – Là người khởi kiện

3.2. Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B – Là người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Phạm Anh D trình bày:

Ông Phạm Anh D có căn nhà tại địa chỉ số B ấp B, xã Đ, huyện B thuộc thửa 401, tờ bản đồ số 13 (Tài liệu 02/CT-UB), tương ứng thuộc thửa 29, 30, 31, 33 tờ bản đồ số 52 (theo TL BĐĐC), diện tích 69,8m^2 bị giải tỏa toàn bộ trong dự án Nâng cấp Quốc lộ E trên địa bàn huyện B. Trong đó 61,9m^2 thuộc một phần thửa 401; 7,9m^2 thuộc đường. Ngày 13/8/2012, Ủy ban nhân dân huyện B (viết tắt UBND huyện B) ban hành Quyết định số: 4791/QĐ-UBND ngày 13/8/2012 về thu hồi đất của ông Phạm Anh D.

Đến ngày 19/7/2018, UBND huyện B ban hành Quyết định số: 6622/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất, vật kiến trúc, tài sản khác và hỗ trợ di chuyển đối với ông Phạm Anh D (Kèm Phiếu chiết tính số 1709/PCT-BBT ngày 06/12/2017), cụ thể về đất: 3,9m^2 bồi thường 100% đơn giá đất ở là 11.609.000 đồng (Sử dụng đất năm 1990); 7,9m^2 thuộc đường: Không bồi thường; 58m^2 sẽ xem xét bồi thường bổ sung khi có chủ trương bồi thường, hỗ trợ đối với các trường hợp không có hồ sơ bồi thường Dự án Cầu Ông T3 hoặc có nhưng chưa nhận tiền bồi thường trong Dự án Cầu Ông T3; Bồi thường vật kiến trúc trên đất: Hỗ trợ 40% đơn giá với số tiền 2.998.060 đồng; Bồi thường tài sản khác: 900.000 đồng; Hỗ trợ di chuyển 5.000.000 đồng. Ông D chấp hành bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án ngày 13/8/2012. Tuy nhiên, ông D vẫn khiếu nại chính sách bồi thường. Ngày 09/02/2021, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số: 826/QĐ-UBND, bác toàn bộ khiếu nại của ông D.

Ngày 11/01/2022, UBND huyện B ban hành Quyết định số: 16/QĐ-UBND về bổ sung hỗ trợ thiệt hại về đất, vật kiến trúc đối với ông Phạm Anh D (Kèm Phiếu chiết tính số 2130/PCT-BBT ngày 04/5/2019), cụ thể: 58m^2 được hỗ trợ bằng 20% đơn giá đất ở (11.609.000 đồng) theo Khoản 2 phần XII, Chương II Phương án 263/PABT-HĐBT ngày 08/10/2012 (U cho rằng phần đất này đã được bồi thường trong dự án Cầu Ông T3, ông D tái chiếm năm 2000). Ông D khiếu nại chính sách

bồi thường. Ngày 29/7/2024, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 5372/QĐ-UBND bác toàn bộ khiếu nại của ông D.

Ông D cho rằng nhà đất của ông chưa được thu hồi, bồi thường trong dự án Cầu Ông T3. Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đủ điều kiện bồi thường theo đơn giá đất ở nên yêu cầu bồi thường theo đơn giá đất ở. Đồng thời yêu cầu giải quyết chính sách tái định cư do ông D không còn căn nhà nào khác tại địa phương. Căn nhà B ấp B, xã Đ, huyện B là của mẹ ông là bà Dương Thị N. Năm 2012, khi bị giải tỏa nhà, gia đình ông D không còn chỗ ở, chỉ được bồi thường 3,9m^2 nên không đủ tiền tạo lập chỗ ở mới, do đó phải ở nhờ nhà mẹ ruột là bà Dương Thị N tại địa chỉ B ấp B, xã Đ, nhà đất chưa được cấp giấy chứng nhận.

Ông D cung cấp tài liệu thể hiện bà N là chủ sử dụng căn nhà này gồm: Sổ mục kê theo tài liệu 02/CT-UB: căn nhà B ấp B do bà Dương Thị N kê khai đăng ký; Giấy cam kết không có tranh chấp khiếu nại về ranh giới của bà Dương Thị N ngày 06/10/2006, có xác nhận của UBND xã Đ, có nội dung bà Dương Thị N tường trình về nguồn gốc căn nhà tại địa chỉ B ấp B, xã Đ do bà N mua của bà Huỳnh Thị H để xây nhà ở; Văn bản 6245/PCBC-DVKH ngày 16/11/2020 của Công ty Đ xác nhận chủ thể ký hợp đồng mua bán điện: Huỳnh Thị H và được sang tên Dương Thị N tháng 02/2006.

Do đó, ông Phạm Anh D khởi kiện yêu cầu: Hủy Quyết định số: 16/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc bổ sung hỗ trợ thiệt hại về đất và vật kiến trúc đối với ông Phạm Anh D trong Dự án nâng cấp Quốc lộ E trên địa bàn huyện B; Hủy Quyết định số: 5372/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Anh D1 (lần đầu); Buộc Ủy ban nhân dân huyện B bồi thường diện tích đất 58m^2 vị trí mặt tiền đường Quốc lộ 50 theo đơn giá đất; đồng thời yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện B giải quyết chính sách tái định cư cho ông D.

- Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch UBND huyện B có ý kiến:

Căn cứ Phương án số: 263/PA-HĐBT ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Hội đồng bồi thường Dự án nâng cấp quốc lộ 50 trên địa bàn huyện B đã được UBND huyện B phê duyệt tại Quyết định số: 5830/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2012; Ngày 13 tháng 8 năm 2012, UBND huyện B ban hành Quyết định số: 4791/QĐ-UBND về thu hồi đất của ông Phạm Anh D tại xã Đ để thực hiện Dự án nâng cấp Quốc lộ E trên địa bàn huyện B. Tổng diện tích thu hồi: 61,9m^2 thuộc một phần thửa số 401, tờ bản đồ số 13, theo tài liệu năm 02/CT-UB (tương ứng một phần các thửa số 29, 30, 31, 33, tờ bản đồ số 52, theo tài liệu đo mới năm 2005) thuộc Bộ địa chính xã Đ, huyện B.

Vị trí khu đất và nguồn gốc quá trình sử dụng nhà, đất: Theo Bản đồ hiện trạng vị trí đất số hợp đồng 469/2009/HĐĐĐ/CNBT (số mới 94/2014/HĐKT-BBT), bản vẽ số 253, do Trung tâm kiểm định bản đồ và T4 lập ngày 24 tháng 3 năm 2016 được Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận ngày 29 tháng 3 năm 2016 đã xác định phần đất của ông Phạm Anh D bị ảnh hưởng trong Dự án có tổng diện tích 69,8m^2 gồm: 61,9m^2 thuộc một phần thửa số 401 và 7,9m^2 đường, tờ bản đồ số 13, theo tài liệu năm 02/CT-UB (tương ứng một phần các thửa số 29, 30, 31, 33,

đường, tờ bản đồ số 52, theo tài liệu đo mới năm 2005) thuộc Bộ địa chính xã Đ, huyện B. Cụ thể: (Hiện trạng trên phần đất có nhà ngói, nhà tole, sân gạch, hiên tole, sân đất). Phần diện tích 58m^2/61,9m^2 thuộc ranh giải tỏa cầu Ô; phần diện tích 3,9m^2/61,9m^2 phần diện tích bồi thường trong dự án Quốc lộ E.

Theo xác nhận của UBND xã Đ ngày 16 tháng 12 năm 2010 có nội dung: "nguồn gốc đất: cha mẹ tạo lập trước năm 1975 cho lại năm 1990, chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Về nhà: trước năm 1975".

Về lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ: Cơ sở ban hành Quyết định số: 6622/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện B: Xét phần đất do ông Phạm Anh D đang sử dụng bị ảnh hưởng trong dự án nâng cấp Quốc lộ 50 có tổng diện tích là 61,9m^2 (thuộc một phần thửa số 401, tờ bản đồ số 13, theo tài liệu 02/CT-UB (tương ứng một phần thửa số 33 và một phần đường, tờ bản đồ số 52, theo tài liệu đo mới 2005), vị trí khu đất mặt tiền đường Quốc lộ 50, từ ranh P - Đa Phước đến cầu Ông T3); trong đó, có diện tích 58m^2/61,9m^2 thuộc dự án xây dựng mới cầu Ông T3 năm 1999 (mặc dù hiện nay không có hồ sơ lưu trữ chứng minh việc lập hồ sơ bồi thường và chi trả tiền bồi thường cho hộ gia đình ông Phạm Anh D bị ảnh hưởng trong Dự án cầu Ô, tuy nhiên, qua kiểm tra rà soát đối với dự án cầu Ô T3 trước đây Dự án có triển khai, có lập hồ sơ bồi thường và có danh sách ký nhận tiền của các hộ dân. Do đó, để đảm bảo tính công bằng và tránh một vụ việc mà áp giá bồi thường 02 lần, UBND huyện B không xem xét tính bồi thường đối với phần diện tích đã bị ảnh hưởng trong Dự án cầu Ông T3 năm 1999). Do vậy, Ủy ban nhân dân huyện B chỉ tính bồi thường đối với phần diện tích 3,9m^2/61,9m^2 cho ông Phạm Anh D theo loại đất ở, vị trí mặt tiền Quốc lộ E (từ ranh P - Đa Phước đến cầu Ô) theo đơn giá 11.609.000 đồng/m^2 .

Ngày 19 tháng 7 năm 2018, UBND huyện B ban hành Quyết định số: 6622/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất, vật kiến trúc, tài sản khác và hỗ trợ di chuyển đối với ông Phạm Anh D (đính kèm Phiếu chiết tính số: 1709/PCT-BBT ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng Huyện), với tổng chi phí bồi thường, hỗ trợ: 54.173.160 (Năm mươi bốn triệu, một trăm bảy mươi ba nghìn, một trăm sáu mươi đồng). Trong đó, tính bồi thường về đất: Đất ở mặt tiền đường Quốc lộ 50 (từ ranh P - Đ đến cầu Ông T3) thuộc một phần thửa số 401, tờ bản đồ số 13, theo tài liệu năm 02/CT-UB (tương ứng một phần thửa số 33, tờ bản đồ số 52, theo tài liệu đo mới năm 2005) thuộc Bộ địa chính xã Đ: 3,9m^2 x đơn giá 11.609.000 đồng/m^2 = 45.275.100 đồng; bồi thường, hỗ trợ về vật kiến trúc, nhà, số tiền: 2.998.060 đồng; bồi thường tài sản khác: (Điện kế chính 01 pha): 900.000 đồng; Chính sách hỗ trợ: Hỗ trợ di chuyển nhà và hỗ trợ di chuyển chỗ ở: 5.000.000 đồng.

Sau khi nhận được Quyết định số: 6622/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của UBND huyện B, ông Phạm Anh D không đồng ý nên gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện B.

Qua xác minh, ngày 09 tháng 02 năm 2021 Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số: 826/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại của ông Phạm Anh D (lần đầu), có nội dung: "Điều 2. Giao Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Huyện phối hợp Ủy ban nhân dân xã Đ và các đơn vị có liên quan kiểm tra, rà soát củng cố hồ sơ pháp lý của 02 Dự án đối với 13 hộ tại vị trí cầu Ông T3 (trong đó có ông Phạm

Anh D) tham mưu Ủy ban nhân dân Huyện xem xét bồi thường, hỗ trợ theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Thành phố tại Công văn số: 08/BCĐBT ngày 16 tháng 01 năm 2020 (nếu thỏa điều kiện)".

Về cơ sở ban hành Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện B: Ngày 11 tháng 4 năm 2019, Ủy ban nhân dân xã Đ có Báo cáo số: 640/BC-UBND về kết quả thẩm tra của Tổ công tác đối với 13 trường hợp bị ảnh hưởng trong Dự án nâng cấp Quốc lộ E. Cụ thể, có nội dung: "Kết quả kiểm tra của Tổ công tác ngày 29 tháng 3 năm 2019, Tổ công tác kiểm tra từng hồ sơ, từng vị trí ngoài thực địa của từng hộ dân. Tổ công tác đều thống nhất đúng theo Bản vẽ điều tra hiện trạng của Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Huyện cung cấp, không có tình tiết khác phát sinh. Thời điểm sử dụng đất của 13 trường hợp có liên quan Dự án cầu Ô các hộ dân sử dụng từ năm 2000 đến nay theo như bản vẽ hiện trạng là đúng". Căn cứ điểm a, khoản 1, Phần II Phương án số: 263/PA-HĐBT ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án nâng cấp Quốc lộ E, quy định những trường hợp thu hồi đất mà không bồi thường: "Người sử dụng đất không đủ điều kiện theo quy định tại Phần IV Chương II của Phương án này".

Căn cứ Phần IV Chương II Phương án số 263/PA-HĐBT ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án nâng cấp quốc lộ E, quy định điều kiện để được bồi thường về đất; Căn cứ điểm b, khoản 1, M, Chương II Phương án số 263/PA-HĐBT ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án nâng cấp quốc lộ 50, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B phê duyệt theo Quyết định số 5830/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2012, quy định: "Đơn giá đất ở mặt tiền đường Q (từ ranh P - Đa Phước đến cầu Ông T3) là 11.609.000 đồng/m^2".

Căn cứ Khoản 2, Phần XI, Chương II Phương án số: 263/PA-HĐBT ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án nâng cấp quốc lộ 50, được Chủ tịch UBND huyện B phê duyệt theo Quyết định số 5830/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2012, quy định đất có nguồn gốc lấn, chiếm, thì người sử dụng đất không được bồi thường về đất, nhưng được xét hỗ trợ theo mục đích đang sử dụng đối với trường hợp đất đưa vào sử dụng từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 22 tháng 4 năm 2002: *"Mục đích sử dụng là đất ở thì được xét hỗ trợ bằng 20% đơn giá đất ở để tính bồi thường. Diện tích để tính hỗ trợ là diện tích đang sử dụng thực tế nhưng không quá 100m^2/hộ; phần diện tích còn lại (nếu có) không xét hỗ trợ về đất ở, được tính hỗ trợ theo đất nông nghiệp theo quy định nêu trên".*

Căn cứ cơ sở pháp lý nêu trên, phần diện tích đất 58m^2 do ông Phạm Anh D đang sử dụng bị ảnh hưởng trong Dự án nâng cấp Quốc lộ E không đủ điều kiện bồi thường cho ông Phạm Anh D chỉ xem xét hỗ trợ lấn chiếm, sử dụng lại vào mục đích đất ở từ năm 2000 đến nay, đã được Chủ tịch UBND huyện B giải quyết khiếu nại tại Quyết định số: 826/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, UBND huyện B ban hành Quyết định số: 16/QĐ-UBND về bổ sung hỗ trợ thiệt hại về đất và vật kiến trúc đối với ông Phạm Anh D (đính kèm Phiếu chiết tính chi phí hỗ trợ thiệt hại số 2130/PCT-BBT ngày 04 tháng 5 năm 2019 của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng), với tổng chi phí

hỗ trợ là 163.249.632 đồng (Một trăm sáu mươi ba triệu, hai trăm bốn mươi chín nghìn, sáu trăm ba mươi hai đồng); trong đó: Hỗ trợ về đất ở mặt tiền Quốc lộ E (đoạn từ ranh P - Đ đến chân cầu Ô), thuộc một phần thửa 29, 30, 31, 33 và đường tờ bản đồ số 52 theo tài liệu BĐĐC (tương ứng một phần thửa 401, tờ bản đồ số 13 theo tài liệu 02/CT-UB), Bộ địa chính xã Đ, huyện B: 58m^2 x 11.609.000 đồng/m^2 x 20% = 134.664.400 đồng; Hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất: Nhà: cột gỗ, vách gạch + vách tole, mái tole, nền gạch tàu, trần xộp: 47,24m^2 x hệ số 1,3 x 1.150.000 đồng x 40% = 28.249.520 đồng (sử dụng từ năm 2000 trong ranh Dự án đầu tư xây dựng cầu Ô); Sân trải đá: 10,76m^2 x hệ số 1,3 x 60.000 đồng/m^2 x 40% = 335.710 đồng (sử dụng từ năm 2000 trong ranh Dự án đầu tư xây dựng cầu ông T3).

Cơ sở ban hành Quyết định số: 5372/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chủ tịch UBND huyện B về giải quyết khiếu nại của ông Phạm Anh D; địa chỉ thường trú: D2/59 ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (lần đầu):

Không đồng ý Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2022 của UBND huyện B, ông Phạm Anh D gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch Úy ban nhân dân huyện B, với nội dung khiếu nại: "Yêu cầu tính bồi thường phần diện tích 58m^2 vị trí mặt tiền đường Quốc lộ 50 với đơn giá đất ở theo Phương án số 263/PA-HĐBT ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Hội đồng bồi thường Dự án nâng cấp Quốc lộ E (đơn giá 11.609.000 đồng/m^2)".

Qua xác minh, ngày 29 tháng 7 năm 2024 Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số: 5372/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại của Ông Phạm Anh D; địa chỉ thường trú: D2/59 ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (lần đầu). Tại Điều 1: "Công nhận nội dung Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện B về bổ sung hỗ trợ thiệt hại về đất và vật kiến trúc đối với ông Phạm Anh D; địa chỉ thường trú: D2/59 ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ giải tỏa: B13/378 ấp B, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh trong Dự án nâng cấp Quốc lộ 50 trên địa bàn huyện B. Không công nhận nội dung khiếu nại của ông Phạm Anh D2 yêu cầu tính bồi thường phần diện tích 58m^2 vị trí mặt tiền đường Quốc lộ 50 với đơn giá đất ở theo Phương án số 263/PA-HĐBT ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Hội đồng bồi thường Dự án nâng cấp Quốc lộ E (đơn giá 11.609.000 đồng/m^2)".

Đối với nội dung bồi thường, hỗ trợ suất tái định cư: Qua rà soát hồ sơ bồi thường, hỗ trợ, ông Phạm Anh D bị ảnh hưởng trong Dự án nâng cấp Quốc lộ 50 có 02 căn nhà, cụ thể: Nhà 1: Địa chỉ: B ấp B, xã Đ, huyện B thuộc thửa 401, tờ bản đồ số 13 (theo tài liệu 02/CT-UB), tương ứng một phần thửa 29, 30, 31, 33 tờ bản đồ số 52 (theo TL BĐĐC) thuộc bộ địa chính xã Đ. Thuộc diện giải tỏa: Toàn bộ nhà, đất; Nhà 2: Địa chỉ B7/181A ấp B, xã Đ, huyện B thuộc một phần thửa 288, tờ bản đồ số 13 (theo tài liệu 02/CT-UB), tương ứng một phần thửa 95 tờ bản đồ số 49 (theo TL BĐĐC) thuộc bộ địa chính xã Đ. Thuộc diện giải tỏa 01 phần nhà, đất (diện tích thu hồi 10,3m^2).

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng nhà, đất: Theo Phiếu kê khai, đất và tài sản bị ảnh hưởng trong Dự án do ông Phạm Anh D tự kê khai ngày 06 tháng 4 năm 2010, được Ủy ban nhân xã Đ xác nhận ngày 15 tháng 7 năm 2011, xác định: "nguồn gốc đất do cha mẹ cho lại năm 1990, ông Phạm Anh D trực tiếp sử dụng ổn định, không tranh chấp, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời

điểm xây dựng căn nhà B, ấp C, xã Đ, huyện B bị ảnh hưởng trong Dự án được xây dựng để ở trước năm năm 1990, không có tranh chấp".

Căn cứ mục 1, Phần II Chương VI Phương án số: 263/PA-HĐBT ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án nâng cấp Quốc lộ 50 trên địa bàn huyện B, được Ủy ban nhân dân huyện B phê duyệt tại Quyết định số 5830/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2012, quy định đối tượng, điều kiện tái định cư: "a) Hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi hết đất ở mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân không có nhu cầu tái định cư".

Theo quy định trên, ngoài căn nhà (B ấp B, xã Đ, huyện B) bị giải tỏa toàn bộ trong Dự án nâng cấp Quốc lộ E thì ông D còn căn nhà (B ấp B, xã Đ, huyện B) chỉ bị giải tỏa 01 phần nhà, đất nên không đủ điều kiện xem xét bố trí tái định cư trong Dự án nâng cấp Quốc lộ E.

Từ những cơ sở nêu trên, UBND huyện B ban hành Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2022; Quyết định số: 5372/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chủ tịch UBND huyện B là đúng quy định tại Phương án số: 263/PA-HĐBT ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án nâng cấp Quốc lộ E, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B phê duyệt theo Quyết định số 5830/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2012.

Ủy ban nhân dân huyện B đề nghị giữ nguyên nội dung Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2022; Quyết định số 5372/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

Đối với nội dung: "Buộc Ủy ban nhân dân huyện B bồi thường phần đất diện tích 58m^2 vị trí mặt tiền Quốc lộ E, với đơn giá đất ở theo Phương án số 263/PA-HĐBT ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Hội đồng Bồi thường Dự án, với đơn giá 11.609.000 đồng/m^2 và yêu cầu hỗ trợ lãi suất ngân hàng do chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ": Phần diện tích 58m^2 trong ranh giải tỏa dự án xây dựng cầu Ông T3 năm 1999 (đã thực hiện quyết toán). Trong thời gian liên hệ với các cơ quan thực hiện Dự án xây dựng cầu Ô để trích lục, cung cấp hồ sơ đối chiếu công tác bồi thường, hỗ trợ của Dự án nâng cấp Quốc lộ E để thực hiện đúng quy định pháp luật nên phần diện tích này chưa xem xét bồi thường.

Liên quan xem xét giải quyết bồi thường, hỗ trợ đối với các trường hợp không thu thập được hồ sơ, tài liệu chứng minh việc đã chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho 12 hộ dân (trong đó, có hồ sơ của ông Phạm Anh D liên quan đất phần diện tích 58m^2) trong dự án cầu Ô, huyện B, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố đã có Thông báo số: 976/TB-VP ngày 14 tháng 10 năm 2024 về nội dung kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố. Hiện Ủy ban nhân dân Huyện đang thu thập hồ sơ pháp lý liên quan đến dự án đầu tư xây dựng cầu Ô. Ủy ban nhân dân Huyện sẽ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố theo chỉ đạo và thông tin cho Phạm Anh D được biết sau khi có kết quả chính thức.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 143/2025/HC-ST ngày 28/4/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 3, Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Luật Đất đai năm 2003; Quyết định số: 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của UBND Thành phố H; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVCH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Anh D đối với các yêu cầu: Hủy Quyết định số: 16/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc bổ sung hỗ trợ thiệt hại về đất và vật kiến trúc đối với ông Phạm Anh D trong Dự án nâng cấp Quốc lộ E trên địa bàn huyện B; Hủy Quyết định số: 5372/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Anh D (lần đầu); Buộc Ủy ban nhân dân huyện B bồi thường diện tích đất 58m^2 theo quy định của pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Anh D về yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện B giải quyết chính sách tái định cư.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/5/2025, người khởi kiện ông Phạm Anh D kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc UBND huyện B bồi thường, hỗ trợ một suất tái định cư cho ông D theo quy định.

Ngày 10/6/2025, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Anh D.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Anh D giữ nguyên kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc UBND huyện B nay là Chủ tịch UBND xã H bồi thường, hỗ trợ một suất tái định cư cho ông D theo quy định.

- Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND xã H giữ nguyên kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Anh D và xin xét xử vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có ý kiến: Về việc yêu cầu bố trí tái định cư, theo xác minh ngoài căn nhà bị giải tỏa toàn bộ ông D còn có một căn nhà khác tại địa chỉ B ấp B, xã Đ, huyện B nên không đủ điều kiện bố trí tái định cư. Về việc bồi thường 58m^2 đất ở, theo tài liệu 99 thể hiện đất này là đất mùa, tài liệu 02 cũng không thấy thể hiện ông D đăng ký 58m^2 là đất ở. Căn cứ theo phiếu công khai thông tin năm 2006 có chữ ký của ông D thì ông D không có ý kiến thắc mắc về hình dạng thửa đất và việc ông D đăng ký sử dụng là sau năm 1999. Như vậy, việc sử dụng đất này là sau phê duyệt lộ giới năm 1995 nên không được bồi thường về đất ở. Do đó, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết sửa án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Anh D.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Người khởi kiện và người bị kiện kháng cáo trong hạn luật định nên đủ điều kiện xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Xét thấy bản án hành chính sơ thẩm xem xét giải quyết chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông D là có căn cứ. Do đó, đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện và người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm Anh D; người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B làm trong thời hạn luật định, hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND xã H có văn bản xin xét xử vắng mặt. Nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Ông Phạm Anh D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của UBND huyện B về việc bổ sung hỗ trợ thiệt hại về đất và vật kiến trúc đối với ông Phạm Anh D trong Dự án nâng cấp Quốc lộ E trên địa bàn huyện B; Hủy Quyết định số 5372/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Anh D (lần đầu); Buộc UBND huyện B bồi thường diện tích đất 58m^2 vị trí mặt tiền đường Quốc lộ 50 theo đơn giá đất ở và giải quyết chính sách tái định cư cho ông D.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện và thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét thẩm quyền ban hành quyết định hành chính:

- Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số: 16/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 về việc bổ sung hỗ trợ thiệt hại về đất và vật kiến trúc đối với ông Phạm Anh D trong Dự án nâng cấp Quốc lộ E trên địa bàn huyện B là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số: 5372/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Anh D (lần đầu) là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Điều 18 Luật Khiếu nại 2011.

[4] Xét căn cứ ban hành quyết định hành chính bị khởi kiện:

[4.1] Ông Phạm Anh D sử dụng căn nhà tại địa chỉ B ấp B, xã Đ, huyện B thuộc thửa 401, tờ bản đồ số 13 (Tài liệu 02/CT-UB), tương ứng thuộc thửa 29, 30, 31, 33 tờ bản đồ số 52 (theo TL BĐĐC), diện tích 69,8m^2 bị giải tỏa toàn bộ trong dự án Nâng cấp Quốc lộ E trên địa bàn huyện B. Trong đó 61,9m^2 thuộc một phần thửa 401 và 7,9m^2 thuộc đường.

Ngày 13/8/2012, UBND huyện B ban hành Quyết định số: 4791/QĐ-UBND ngày 13/8/2012 về thu hồi đất của ông Phạm Anh D diện tích 61,9m^2 thuộc một phần thửa 401 tờ bản đồ số 13 Tài liệu 02/CT-UB (tương ứng thuộc thửa 29, 30, 31, 33 tờ bản đô số 52 theo tài liệu đo mới năm 2005) thuộc bộ địa chính xã Đ, huyện B để giao ban bồi thường giải phóng mặt bằng tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng chuẩn bị đầu tư xây dựng nâng cấp Quốc lộ E trên địa bàn huyện B. Riêng phần đường có diện tích 7,9m^2 do nhà nước trực tiếp quản lý.

Đến ngày 19/7/2018, UBND huyện B ban hành Quyết định số: 6622/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất, vật kiến trúc, tài sản khác và hỗ trợ di chuyển đối với ông Phạm Anh D trong dự án Nâng cấp Quốc lộ E trên địa bàn huyện B (theo Phiếu chiết tính số: 1709/PCT-BBT ngày 06/12/2017), cụ thể về đất: 3,9m^2 bồi thường 100% đơn giá đất ở là 11.609.000 đồng (Sử dụng đất năm 1990); 7,9m^2 thuộc đường: Không bồi thường; 58m^2 sẽ xem xét bồi thường bổ sung khi có chủ trương bồi thường, hỗ trợ đối với trường hợp không có hồ sơ bồi thường Dự án Cầu Ông T3 hoặc có nhưng chưa nhận tiền bồi thường trong Dự án Cầu Ông T3; Bồi thường vật kiến trúc trên đất: Hỗ trợ 40% đơn giá với số tiền 2.998.060 đồng; Bồi thường tài sản khác: 900.000 đồng; Hỗ trợ di chuyển 5.000.000 đồng.

Ngày 11/01/2022, UBND huyện B ban hành Quyết định số: 16/QĐ-UBND bổ sung hỗ trợ thiệt hại về đất, vật kiến trúc đối với ông Phạm Anh D (theo Phiếu chiết tính số: 2130/PCT-BBT ngày 04/5/2019), cụ thể 58m^2 được hỗ trợ bằng 20% đơn giá đất ở (11.609.000 đồng) theo điểm Khoản 2 phần XII, Chương II Phương án 263/PABT-HĐBT ngày 08/10/2012 – UBND huyện B cho rằng đất đã được bồi thường trong dự án Cầu Ông T3, ông D tái chiếm năm 2000.

Theo Thông báo số 976/TB-VP ngày 14/10/2024 của Văn phòng UBND Thành phố H và Báo cáo số 64/BC-UBND ngày 24/01/2025 của UBND huyện B có nội dung: Đến tháng 10/2024 nếu không tìm được hồ sơ thu hồi bồi thường dự án Cầu Ông T3 của 12 hộ (trong đó có hộ ông D) thì thực hiện bồi thường theo nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của người dân; đồng thời, UBND huyện B giao Ban bồi thường thực hiện thủ tục bồi thường cho người dân trước ngày 15/02/2025.

Tại xác nhận nguồn gốc quá trình sử dụng đất của ông Phạm Anh D do UBND xã Đ thực hiện ngày 16 tháng 12 năm 2010 có nội dung: "nguồn gốc đất do cha mẹ tạo lập trước năm 1975 cho lại năm 1990, chưa được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Về nhà: xây dựng trước năm 1975". Căn cứ điểm b, khoản 1, phần V và Khoản 1, phần XI, Chương II của Phương án số: 263/PABT-HĐBT ngày 08/10/2012.… có căn cứ xác định phần đất 58m^2 của ông D đủ điều kiện bồi thường 100% đơn giá đất ở. Tuy nhiên, Quyết định số: 16/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của UBND huyện B chỉ hỗ trợ bổ sung bằng 20% đơn giá đất ở cho ông C là chưa đúng quy định của pháp luật.

Ông D khiếu nại Quyết định số: 16/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của UBND huyện B. Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số: 5372/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 (lần đầu) giải quyết không chấp nhận khiếu nại của ông D là chưa đúng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông D.

Do đó, Bản án sơ thẩm chấp nhận chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông D: Hủy Quyết định số: 16/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc bổ sung hỗ trợ thiệt hại về đất và vật kiến trúc đối với ông Phạm Anh D trong Dự án nâng cấp Quốc lộ E trên địa bàn huyện B; Hủy Quyết định số: 5372/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Anh D (lần đầu) và buộc Ủy ban nhân dân huyện B thực hiện nhiệm vụ công vụ về bồi thường cho ông Phạm Anh D diện tích đất 58m^2 khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án nâng cấp Quốc lộ 50 trên địa bàn huyện B theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

[4.2] Đối với yêu cầu của ông D về chính sách tái định cư:

Ông D cho rằng ông bị thu hồi toàn bộ đất có gắn căn nhà, hiện tại không còn căn nhà nào khác. Đối với căn nhà B7/181A ấp B, xã Đ, huyện B là nhà của mẹ ông là bà Dương Thị N. Năm 2012, khi bị giải tỏa nhà, gia đình ông D không còn chỗ ở, chỉ được bồi thường 3,9m^2 nên không đủ tiền tạo lập chỗ ở mới, do đó phải ở nhờ nhà mẹ ruột là bà Dương Thị N tại địa chỉ B ấp B, xã Đ, nhà đất chưa được cấp giấy chứng nhận. Xét thấy:

Tại bản kê khai nhà đất ngày 06/4/2010 ông D khai căn nhà tại địa chỉ B ấp B, xã Đ (nay là ấp E), được cha mẹ cho năm 1990. Ông D đã đứng tên kê khai hồ sơ bồi thường khi căn nhà này bị thu hồi một phần. Đồng thời, tại Văn bản số: 1023/UBND ngày 21/4/2025 của Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận: "Ông Phạm Anh D trực tiếp kê khai, sử dụng và cư trú tại căn nhà địa chỉ: B, ấp E, xã Đ, huyện B".

Theo mục 1, Phần II Chương VI Phương án số: 263/PA-HĐBT ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án nâng cấp Quốc lộ 50 trên địa bàn huyện B, được Ủy ban nhân dân huyện B phê duyệt tại Quyết định số 5830/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2012, quy định đối tượng, điều kiện tái định cư: *"a) Hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi hết đất ở mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân không có nhu cầu tái định cư".*

Đối chiếu với quy định trên, thì ông D không đủ điều kiện hỗ trợ chính sách tái định cư theo quy định tại Điều 37 Quyết định số: 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của UBND Thành phố H và Phương án số 263/PABT-HĐBT ngày 08/10/2012 của Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án nâng cấp Quốc lộ 50 trên địa bàn huyện B.

Vì vậy, Bản án sơ không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Anh D về yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện B giải quyết chính sách tái định cư cho ông Phạm Anh D trong Dự án nâng cấp Quốc lộ 50 trên địa bàn huyện B là có căn cứ.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện và người bị kiện kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông

Phạm Anh D và của người bị kiện UBND huyện B và Chủ tịch UBND huyện B người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND xã H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do đó, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm theo Quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh: Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Anh D: Hủy Quyết định số: 16/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc bổ sung hỗ trợ thiệt hại về đất và vật kiến trúc đối với ông Phạm Anh D trong Dự án nâng cấp Quốc lộ E trên địa bàn huyện B; Hủy Quyết định số: 5372/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Anh D (lần đầu); Buộc Ủy ban nhân dân huyện B có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H thực hiện nhiệm vụ công vụ về việc bồi thường cho ông Phạm Anh D diện tích đất 58m^2 khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án nâng cấp Quốc lộ E trên địa bàn huyện B theo đúng quy định của pháp luật; Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Anh D về yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện B có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND xã H giải quyết chính sách tái định cư cho ông Phạm Anh D trong Dự án nâng cấp Quốc lộ 50 trên địa bàn huyện B.

[6] Về án phí phúc thẩm: Người khởi kiện ông Phạm Anh D và người bị kiện UBND huyện B và Chủ tịch UBND huyện B có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND xã H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm; về hoàn trả tiền nộp tạm ứng án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm Anh D

- Không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 143/2025/HC-ST ngày 28/4/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Căn cứ Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm Căn cứ vào Điều 3, Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Luật Đất đai năm 2003; Quyết định số: 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của UBND Thành phố H; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVCH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Anh D: Hủy Quyết định số: 16/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc bổ sung hỗ trợ thiệt hại về đất và vật kiến trúc đối với ông Phạm Anh D trong Dự án nâng cấp Quốc lộ E trên địa bàn huyện B; Hủy Quyết định số 5372/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Anh D (lần đầu); Buộc Ủy ban nhân dân huyện B có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H thực hiện nhiệm vụ công vụ về bồi thường cho ông Phạm Anh D diện tích đất 58m^2 khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án nâng cấp Quốc lộ E trên địa bàn huyện B theo đúng quy định của pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Anh D về yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện B có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H giải quyết chính sách tái định cư cho ông Phạm Anh D trong Dự án nâng cấp Quốc lộ 50 trên địa bàn huyện B.

3. Về án phí phúc thẩm:

- Ông Phạm Anh D phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính phúc thẩm. Được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0070684 ngày 26/5/2025 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H). Ông Phạm Anh D đã nộp đủ.

- Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H phải nộp phải nộp 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng) án phí hành chính phúc thẩm. Được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000937, 0000938 ngày 30/6/2025 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H). Ủy ban nhân dân huyện B và Chủ tịch UBND huyện B có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND xã H đã nộp đủ.

4. Quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm; về hoàn trả tiền nộp tạm ứng án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)